

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO NĂM 2021



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h. Luật chứng khoán là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2012/QH12 của Quốc hội Việt Nam.</p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 23 Điều 4</u> của Luật Doanh nghiệp, <u>khoản 46 Điều 4</u> Luật chứng khoán;</p> <p>h. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019.</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Cập nhật số hiệu luật</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p>
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p>	<p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với các quy định của pháp luật khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận</p>	<p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với các quy định của pháp luật khi được <u>Đại hội đồng cổ đông</u> phê chuẩn và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p>	<p>Thay đổi hoạt động kinh doanh của công ty là thẩm quyền của ĐHĐCĐ</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p>	<p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được qui định tại Điều 11 Điều lệ này</p>	<p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được qui định tại Điều 11, <u>Điều 12</u> Điều lệ này</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p>	<p>Bổ sung dẫn chiếu</p>
<p>Điều 6. Chứng</p>	<p>2. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi</p>	<p>Bỏ.</p>	<p>Điều 6. Chứng</p>	<p>Không còn quy định về cổ</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
nhận cổ phiếu	<p>danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí cho người sở hữu.</p> <p>5. <u>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cặp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</u></p> <p>6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng để thực hiện các hành vi lừa đảo hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>5. <u>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></p> <p><u>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u></p> <p><u>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới</u></p> <p>Bỏ.</p>	nhận cổ phiếu	phiếu ghi danh
Điều 11. Quyền	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Điều 11. Quyền	Sửa dẫn chiếu luật
	7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	Bỏ.		Không còn quy định về cổ phiếu ghi danh

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
của cổ đông	<p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có các quyền sau:</p> <p>a. <u>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;</u></p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>Chưa quy định</p>	<p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132</u> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5%</u> tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>Bỏ quy định này</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>4. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p>a) <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b) <u>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số</u></p>	của cổ đông	<p>Sửa tỷ lệ nhóm cổ đông, Bỏ quy định nắm giữ liên tục trong vòng 06 tháng trở lên Bỏ quyền đề cử của nhóm cổ đông 5%</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p> <p>Bổ sung quyền của nhóm cổ đông nắm giữ 10% trở lên theo luật Doanh nghiệp</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p><i>người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</i></p>		
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>Chưa quy định</p>	<p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p><i>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiết hai xảy ra</i></p> <p>6. <i>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Quy định thêm về việc cổ đông không được rút vốn khỏi công ty</p> <p>Bổ sung nghĩa vụ của cổ đông về bảo mật thông tin</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. ... <i>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm</i></p>	<p>2. ... <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại</i></p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung quy định mời đơn vị kiểm toán tham dự họp DHDGD</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p><i>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị giảm 50% trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định giảm vốn điều lệ</i></p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>; Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy</p>	<p><i>hội đồng cổ đông thường niên</i></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p><i>Bỏ quy định này</i></p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>; Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy</p>		<p>Bỏ quy định theo Điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p>

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</u>	định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u>		
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p><u>n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u></p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p><u>e. Bỏ quy định này;</u></p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</u></p> <p><u>q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p><u>r. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p>	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Bỏ quy định chủ tịch HĐQT, Kiểm TGD, Thay đổi dẫn chiếu luật bổ sung việc ĐHQĐ phê duyệt quy chế hoạt động HĐQT, BKS
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. <u>Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có số hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.</u></p> <p>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy</u></p>	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	Bổ sung quy định về nội dung văn bản

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p><u>định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền theo quy định sau đây:</u></p>	<p>ủy quyền theo Điều lệ mẫu</p>	
	<p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p><u>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhân được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại</u></p>	<p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p><u>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhân được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại</u></p>	<p>Sửa quy định về thời gian nhận thông báo</p>	
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua</p>	<p>1. <u>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</u></p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p>	<p>Tăng tỷ lệ biểu quyết thay đổi quyền của cổ phần ưu đãi theo khoản 6 Điều 148 Luật DN</p>
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty không sớm hơn 05 ngày trước</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty không sớm hơn <u>10 ngày</u> trước</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ</p>	<p>Bổ sung quy định công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông</p>

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
đồng, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<p>ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi <u>thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ tru sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp</u></p>	<p>ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>tham dự họp</p> <p>Tăng thời gian gửi thư mời họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật DN</p>
	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. <u>Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</u></p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp, trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. <u>bỏ quy định này</u></p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>		<p>Bổ sung thời hạn từ chối đề xuất thêm nội dung họp ĐHĐCĐ (điều 142 Luật DN)</p> <p>Bỏ quy định về năm giữ liên tục 6 tháng</p>
Điều 18. Các điều kiện tiên hành	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 50%</u> cổ phần có quyền biểu quyết</p>	Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp	Thay đổi tỷ lệ tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
hợp Đại hội đồng cổ đông	4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>Điều 139 của Luật Doanh nghiệp</u>	4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>Điều 139 của Luật Doanh nghiệp</u>	Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi dẫn chiếu luật
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi số cổ đông đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi tỷ lệ biểu quyết thông qua tại ĐHDCĐ theo khoản 2 Điều 148 Luật DN
Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại <u>khóa 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp</u> . Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>Điều 139 của Luật doanh nghiệp</u> .	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại <u>khóa 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp</u> . Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại <u>Điều 143 của Luật doanh nghiệp</u> .	Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi dẫn chiếu luật
	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u> .	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị		Phiếu lấy kiến chi có 1 chữ ký của chủ tịch HĐQT

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
đồng cổ đồng				
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nội dung biên bản thực hiện theo quy định tại <u>Điều 146 Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nội dung biên bản thực hiện theo quy định tại <u>Điều 150 Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc <u>người khác ký tên trong biên bản họp</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng	Thay đổi dẫn chiếu luật
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đồng	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khảo 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp</u>:</p>	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khảo 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp</u>:</p>	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đồng	Sửa dẫn chiếu luật
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục</u></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu</p>	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung quy định nhiệm kỳ của thành viên độc lập theo khảo 2 Điều 154 Luật DN

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 5% đến dưới 10%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ 10% đến dưới 30%</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p>	<p>quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>từ 10% đến dưới 15%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; <u>từ 15% đến dưới 30%</u> được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p>		<p>năm giữ liên tục trong 6 tháng. Và thay đổi tỷ lệ đề cử tối thiểu từ 10%</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>3. <u>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</u> <u>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;</u> <u>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> <u>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;</u> <u>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</u> <u>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý với cán bộ quản lý đó;</u> <u>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và</u></p>	<p>3. <u>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</u> <u>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u> <u>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u> <u>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u> <u>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u> <u>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u> <u>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p>	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Thay đổi theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú	
	<p><u>tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u></p> <p><u>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p><u>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</u></p> <p><u>i. Bầu, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cứ người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tam ứng; quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p><u>k. Đề xuất việc tái cấu trúc lại hoặc giải thể Công ty.</u></p> <p><u>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u></p> <p><u>a. Thành lập chi nhánh, địa điểm kinh doanh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</u></p> <p><u>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</u></p> <p><u>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy</u></p>	<p><u>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cứ người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u></p> <p><u>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</u></p> <p><u>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p>			

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sát nhập, đầu tư Công ty và liên doanh):</u></p> <p>d. <u>Chi đình và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u></p> <p>e. <u>Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</u></p> <p>f. <u>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 50% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></p> <p>g. <u>Việc mua hoặc bán cổ phần của những tổng công ty, công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</u></p> <p>h. <u>Việc đình giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</u></p> <p>i. <u>Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</u></p> <p>j. <u>Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</u></p> <p>k. <u>Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty</u></p>	<p>o) <u>Kiểm nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p>p) <u>Kiểm nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p>q) <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị. Quy chế nói bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Quy chế về công bố thông tin của công ty;</u></p> <p>s) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty</u></p>		
<p>Điều 26. Chủ tịch Hội</p>	<p>1. <u>Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ</u></p>	<p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>Sửa theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
đồng quản trị	<p><u>tích Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua trước khi thực hiện.</u></p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</u></p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>Chưa quy định</p>	<p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc</u></p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p><u>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u></p>	<p>quản trị</p>	<p>Bổ sung quy định theo Điều lệ mẫu</p>
		<p><u>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty].</u></p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p><i>Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thân, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</i></p>		
<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 cán bộ quản lý;</u></p> <p>d. <u>Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên (trong trường hợp Công ty chỉ có một kiểm soát viên).</u></p> <p>5. <u>Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</u></p> <p>6. <u>Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước</u></p>	<p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a) <u>Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b) <u>Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</u></p> <p>c) <u>Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Cần nhắc không sửa nội dung này</p>
	<p>Bỏ quy định này</p>			<p>Điều lệ mẫu không quy định</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u></p>			
	<p><u>13. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><u>13. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban</u></p>		
	<p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</p>	<p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>		
<p>Điều 29. Cán bộ quản lý</p>	<p><u>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lương và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mãn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></p> <p><u>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản</u></p>	<p><u>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lương và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh</u></p>	<p>Điều 29. Người điều hành Công ty</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và các vị trí cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p> <p><u>3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc bổ nhiệm sẽ do Tổng giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc</u></p>	<p><u>nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></p> <p><u>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p> <p><u>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</u></p>		
<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p>	<p>4. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. <u>Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>b. <u>Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại và dịch vụ, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u></p> <p>c. <u>Kiểm nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</u></p> <p>d. <u>Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ</u></p>	<p>4. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a) <u>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b) <u>Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c) <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</u></p> <p>d) <u>Kiểm nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p> <p>đ) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u></p> <p>g) <u>Tuyển dụng lao động;</u></p> <p>h) <u>Kiểm nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p>	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p>	

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 31. Thư ký Công ty	<p><u>nhậm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty:</u></p> <p>e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty:</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật</p>	<p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh</p>	Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	Bổ sung quy định về Người phụ trách quản trị công ty

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>Vu sau đây:</u></p> <p><u>a) Hồ sơ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u></p> <p><u>b) Hồ sơ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u></p> <p><u>c) Hồ sơ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</u></p> <p><u>d) Hồ sơ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</u></p> <p><u>đ) Hồ sơ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p> <p><u>e) Nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><u>ngiệp.</u></p> <p><u>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p><u>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p><u>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p><u>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p><u>d) Tham dự các cuộc họp;</u></p> <p><u>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</u></p> <p><u>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p> <p><u>ì) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty]</u></p>	<p><u>Chuyển thành điều Điều 37, Điều 38, Điều 39</u></p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự phù hợp với nội dung các</p>
	<p><u>Điều 32, Điều 33, Điều 34</u></p>			

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là <u>ba (03) thành viên</u>. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và đảm bảo tuân thủ Điều 163, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 163 Luật doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập các cuộc họp ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để thông báo cho các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên:</p> <p>a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Sửa theo Điều lệ mẫu</p> <p>Đổi tương được quy định</p>
		<p>3. Kiểm soát viên soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung các trường hợp</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>- Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>		<p>Kiểm soát viên bị miễn, bãi nhiệm</p>
	<p>Chưa quy định</p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã</p>	<p>Điều 33. Trưởng Ban kiểm soát</p>	<p>Bổ sung quy định về Trưởng ban kiểm soát theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Điều 36. Ban kiểm soát</p>	<p>1. Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, Điều 166, Điều 167, Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đề trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty bất miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chiu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ ban sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và ban sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
	<p>Chưa quy định</p>	<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p>	<p>Điều 35. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p>	<p>Bổ sung quy định cuộc họp BKS theo Điều lệ mẫu</p>

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p><u>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</u></p> <p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	
Điều 32. Trách nhiệm của Thành viên Hội	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương	Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban Kiểm soát</u> Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong	Điều 37. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng	Bổ sung đối tượng

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý</p>	<p>tự</p>	<p>hoàn cảnh tương tự</p>	<p><u>Ban Kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý</p>	
<p>Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. 3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo</p>	<p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Sửa theo Điều lệ mẫu</p>



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u></p> <p>a. <u>Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</u></p> <p>b. <u>Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</u></p>	<p><u>quy định của Luật Doanh nghiệp và.</u></p> <p>5. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p> <p>6. <u>Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a) <u>Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</u></p> <p>b) <u>Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ</u></p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>c. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này</u></p>	<p><u>đồng không có lợi ích liên quan.</u></p>		
<p>Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>1. <u>Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với tư cách trong, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</u></p> <p>2. <u>Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu</u></p>	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vi lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>Bỏ do nội dung trùng lặp</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><i>của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cảm và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</i></p>			
<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <u>Điều 24.3 và Điều 35.2</u> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư được ủy quyền hợp pháp hoặc người được ủy quyền hợp pháp, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <u>Khoản 3 Điều 11</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Thay đổi dẫn chiếu điều</p>
<p>Điều 42.</p>	<p><i>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế</i></p>	<p>Bỏ quy định này</p>		<p>Bỏ quy định</p>

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>Quy dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các loại quỹ khác</p>	<p><u>của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ nếu pháp luật có quy định. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</u> <u>Công ty có thể trích lập các loại quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành</u></p>		này	
<p>Điều 47. Kiểm toán</p>	<p>3. <u>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo qui định của pháp luật.</u></p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Điều 49. Kiểm toán</p>	<p>Sửa theo Điều</p>
<p>Điều 48. Con dấu</p>	<p>1. <u>Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành</u></p>	<p>1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u> 3. <u>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>Điều 50. Con dấu</p>	<p>Sửa theo Điều</p>
<p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p>	<p>1. <u>Bản Điều lệ sửa đổi này gồm 21 Chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VI TE CO nhất trí thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2020 cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này từ ngày 02 tháng 03 năm 2020 tại Hà Nội và thay thế các Điều lệ của Công ty</u></p>	<p>1. <u>Bản Điều lệ sửa đổi này gồm Chương Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VI TE CO nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này tại Hà Nội và thay thế các Điều lệ của Công ty trước đây.</u></p>	<p>Điều 58. Ngày hiệu lực</p>	

Tổng hợp sửa đổi dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>trước đây.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Điều lệ được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau lưu trữ tại văn phòng Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền 	<ol style="list-style-type: none"> 2. Điều lệ được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau lưu trữ tại văn phòng Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền 		
	Thứ tự các Điều bị thay đổi được tự động sắp xếp lại cho phù hợp.			